

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-PT

Ngày 15 - 11 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Long.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn T1 Hải và ông Nguyễn Đức Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 63/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Q, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T1 V (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; chồng: Phạm Văn Đ (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/3/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Luật sư Nguyễn Tuấn A và Đào Hồng S – Công ty Luật TNHH S; địa chỉ: Số 399 T, phường K, quận X, thành phố H; có mặt luật sư Nguyễn Tuấn A, vắng mặt luật sư Đào Hồng S.

+ Luật sư Nguyễn Văn C – Công ty Luật TNHH H; địa chỉ: số 196 đường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Người làm chứng: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1994; anh Phạm Văn T2, sinh năm 1997; anh Vũ Văn T3 (tên gọi khác: T), sinh năm 1995; anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 2000; chị Chèo Mỹ D (tên gọi khác: Tẩn Diễm M), sinh ngày

21/6/2005; người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị H - Phó chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ thị xã D; chị Bàn Thị T4, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2006; người đại diện là bà Kiều Thị H - Chủ tịch Hội phụ nữ phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chị Chèo Chiều M, sinh năm 2006; người đại diện là bà Kiều Thị H - Chủ tịch Hội phụ nữ phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/9/2021, Đỗ Văn T1, Phạm Văn T2, Vũ Văn T3 và Nguyễn Văn H rủ nhau góp tiền đi hát. T1 gọi điện cho Nguyễn Thị Thu H là chủ quán hát Karaoke Đồng Quê thuộc thôn Q, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam để đặt phòng hát rồi T1 điều khiển xe mô tô BKS 90B1 – 136.74 chở T2, T3 điều khiển xe mô tô BKS 90B1 – 966.84 chở H1 đi đến quán Karaoke Đồng Quê.

Khoảng 21 giờ, khi đến quán Đồng Quê, T1 bảo H gọi cho 04 nhân viên nữ và hát ở phòng Vip 2. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T1 nói với cả nhóm “*Gọi ít đồ về chơi*”, hiểu ý T1 rủ chung tiền mua ma túy về sử dụng nên T2, T3 và H1 đồng ý. Sau đó, T2 dùng điện thoại của mình gọi điện liên hệ mua ma túy với Phạm Văn Đ ở xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam, Nguyễn Thị C ở xã N, huyện H, tỉnh Nam Định và Đào Thành Đ ở xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Đ nhắn tin, chuyển tiếp số điện thoại của Đ cho T2 và nói “*Số thằng bán đồ đấy, nếu gọi cho Đ thì bảo em là bạn C*”. Sau đó, T2 gọi điện cho Đ hỏi mua 04 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy loại Ketamine, Đ đồng ý. Đến khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, Đ đem 04 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ke được quấn băng dính màu đen ở ngoài, thuê xe taxi BKS 90A – 050.33 của anh Nguyễn Văn Y, trú tại tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam chở đến cổng quán Karaoke Đồng Quê giao cho T2 và thu của T2 số tiền 4.700.000 đồng, gồm 4.500.000 đồng tiền ma túy và 200.000 đồng tiền taxi.

Sau khi mua được ma túy của Đ, T2 cầm ở tay và quay lại phòng Vip 2 quán Karaoke Đồng Quê. Khi đi qua phòng ngủ của H, H nói “*Chị không cho chơi đồ trong quán đâu*”. Thấy vậy, T2 xin H cho nhóm mình sử dụng ma túy trong phòng hát nhưng H không đồng ý. T2 đi vào phòng Vip 2, đưa gói ma túy vừa mua được cho T1 và nói với tất cả mọi người là H không đồng ý cho sử dụng ma túy ở quán nên nhóm của T2 tiếp tục hát đến khoảng 0 giờ 20 phút ngày 18/9/2021 thì nghỉ.

Khi H vào kiểm đồ trong phòng Vip 2 để T1 toán, T3 đi theo và tiếp tục xin H để sử dụng ma túy trong phòng hát. Lúc này, T3 đứng ở cửa phòng, H đứng ở phía trong phòng, đối diện với T3, cách T3 khoảng 50 - 60cm, T3 nói với H “*Chỗ chị em mình quen biết nhau, em cũng hát ở đây mấy lần, chị cho*

chúng em ở lại chơi thêm 1 - 2 tiếng, 1 - 2 viên kẹo chứ không chơi lâu”, H nói “Giờ đang căng nếu chơi thì 300.000 đồng/01 tiếng phòng bay”, T3 nói “Chỗ chị em, chị xem bớt cho bọn em, chị lấy 250.000 đồng thôi”, H nói “Thế thì 250.000 đồng/01 tiếng tiền phòng và 250.000 đồng/01 tiếng/1 nhân viên”, T3 đồng ý, nói “Ok”. Lúc này, H1 vẫn còn ở trong phòng hát và nghe được toàn bộ nội dung trao đổi này giữa T3 và H. Sau đó, T3 đi ra nói lại với T1 về việc H đã cho sử dụng ma túy trong phòng hát nhưng T1 không hiểu ý nên tất cả đi về. T2 ra T1 toán tiền hát cho H hết 5.460.000 đồng.

Khi T1, T2, T3 và H1 đi về đến gần cổng khu công nghiệp Cầu Giát thì dừng lại nói chuyện. Tại đây, T3 nói lại với T2, T1 và H1 là đã xin H và H đồng ý cho sử dụng ma túy trong phòng hát, với giá tiền phòng là 250.000 đồng/01 tiếng và tiền nhân viên phục vụ là 250.000 đồng/01 tiếng/01 nhân viên thì tất cả mọi người trong nhóm cùng thống nhất quay lại quán Karaoke Đồng Quê thuê phòng hát để sử dụng số ma túy đã mua. T1 gọi điện thoại cho H 04 cuộc nhưng không thấy H nghe máy nên cả nhóm đi thẳng đến quán Đồng Quê. Khi đến quán, thấy cửa khóa ngoài, T2 gọi cửa nhưng không thấy ai trả lời. Một lát sau, H về quán, T3 nói “Chị mở cửa cho bọn em vào chơi một lúc”, H nói “Sao lúc này cho chơi rồi còn đi về” thì T2 nói “Lúc này em tưởng chị không cho chơi”. T1 ra nói chuyện với H và nhờ H gọi cho 04 nhân viên nữ. H mở cửa quán cho nhóm T1 vào. Lúc này, khoảng 02 giờ ngày 18/9/2021, nhóm của T1 vào phòng Vip 2 đợi một lúc thì có 04 nhân viên nữ gồm Bàn Thị T4, sinh ngày 27/01/2006, trú tại thôn 2, xã H, huyện B, tỉnh L; Chèo Mỹ D sinh ngày 21/6/2005, trú tại Bản T, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu; Chèo Chiều M sinh ngày 14/7/2006, trú tại Bản S, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu và 01 nữ nhân viên tên N đi vào phòng. Thấy nhóm của T1 chuẩn bị sử dụng ma túy nên N ra xin H không làm và đi về. H tiếp tục gọi điện cho Vi Thị Mỹ D, sinh năm 2000 đến, trú tại thôn K, xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đến phục vụ tại phòng Vip 2. Khi vào trong phòng, thấy không có đá, Chèo Mỹ D cầm xô kim loại sáng màu ra khu vực quầy lễ tân lấy đá thì gặp H, H lấy cho nửa xô nên D hỏi “Sao chị lấy ít đá thế”, H nói “Phòng này không uống bia, khách chỉ chơi đồ thôi nên không cần nhiều đá” thì D hiểu khách tại phòng Vip 2 chỉ sử dụng ma túy. Sau đó, T1 bóc gói ma túy mà T2 mua của Đ trước đó ra, bên trong có 04 viên nén màu xanh hình tam giác, thường được gọi là kẹo và 01 gói Ketamine, chia cho T2, T3, H1 mỗi người 01 viên ma túy kẹo, còn 01 viên T1 cất vào túi quần phía trước bên trái của mình đang mặc. Sau đó, H1 đi ra quầy lễ tân gặp H, nói “Chị cho em tờ giấy trắng”, H nói “Lấy giấy làm gì”, H1 nói “Em có việc”, H chỉ cho H1 chỗ lấy giấy ở bàn quầy. H1 lấy 01 tờ giấy trắng đem vào phòng, xé làm đôi và đưa cho T1 01 nửa, còn 01 nửa H1 gấp làm đôi, cho ½ viên ma túy kẹo vào rồi dùng đáy cốc nghiền nhỏ, cho vào cốc nhựa có sẵn trong phòng, loại cốc có quai cầm và đổ nước cocacola vào khuấy lên, uống 1 nửa, nửa còn lại đưa cho Bàn Thị

T4, T2 và T3 dùng 01 nửa tờ giấy bọc viên ma túy kẹo vào, dùng đáy cốc nghiền nhỏ và cho vào cốc nhựa có sẵn trong phòng, đổ nước cocacola vào rồi T2, T3, H1, D, T và M cùng uống.

Sau đó, T1 cầm gói Ketamine để ở bàn trong phòng hát rồi đi ra ngoài lấy 01 chiếc đĩa sứ hình tròn ở chạn nhựa gần phòng hát số 03 mang vào để trên chiếc bàn Inox ở phía bên trái theo hướng từ cửa nhìn vào. Thấy chiếc đĩa nhỏ, T3 bảo D đi đổi đĩa khác to hơn để xào ke. Khi D cầm đĩa đi ra ngoài, T1 đi ra cùng nên D hỏi “*Các anh chơi đồ, anh đã hỏi chị H chưa*”, T1 nói “*Hỏi rồi*”. Ra khỏi phòng Vip2, thấy H đang nằm xem điện thoại trong phòng ngủ gần đối diện với phòng Vip 2, D nói với H “*Em đổi đĩa cho khách*”, H nói “*Đổi đi*”. D lấy 01 chiếc đĩa sứ hình bầu dục màu trắng đem vào để ở trên bàn phía bên trái, sau đó đi ra ngoài lấy 04 chiếc bật lửa ở quầy lễ tân. Cùng lúc này, T1 hỏi “*Em gái nào biết xào thì xào đi*”, T4 nói “*Em có, em biết xào*”. T3 lấy chiếc thẻ ATM của mình ra đưa cho T4 xào ke. T4 xào ke được khoảng 03 phút thì D thấy T4 không biết làm nên D nói “*Để đây chị xào cho*”. Khi D xào ke xong thì D1 vào phòng ngồi cạnh T2. Thấy vậy, T1 nói với D1 “*Em lấy ke cho mọi người chơi*”. D1 hỏi T2 “*Anh có tờ 10.000 đồng không*”, T2 đưa cho D1 01 tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng. D1 cầm tờ tiền cuộn thành hình trụ tròn và cố định hai đầu bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá 555 do D đưa làm ống hút xong thì dùng thẻ ATM kẻ thành các đường ke cho T1, T2, T3, H1, D, T4 và M sử dụng, còn D1 không sử dụng. Sau khi sử dụng ke xong thì tất cả mọi người cùng nằm trong phòng nghe nhạc đến khoảng 04 giờ ngày 18/9/2021, tổ công tác Công an thị xã D phối hợp với công an xã C đến kiểm tra. Thấy vậy, H vào phòng tắt nhạc và nói “*Công an đến, ra cửa sau chạy trốn đi*”. Đồng thời, H đi ra mở cửa phòng phía sau cho T1 cùng mọi người chạy trốn nhưng đã bị bắt giữ lại, riêng T2 chạy thoát. Đến ngày 20/9/2021, T2 đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu trên mặt bàn bên phải trong phòng Vip 02 hướng từ ngoài vào: 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, được cố định 02 đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá 555, được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG01; Thu tại sân 01 thẻ ATM màu xanh của Ngân hàng Agribank; Thu trên mặt bàn bên trái phòng Vip 02 theo hướng từ ngoài vào 03 cốc nhựa hình trụ tròn, loại cốc có quai, bên trong có bám dính chất màu xanh nhạt, nghi là ma túy được niêm phong trong hộp ký hiệu TG02; 02 chiếc bật lửa ga màu đỏ, 01 bật lửa ga màu vàng đã qua sử dụng, 01 bật lửa ga màu xanh không còn nắp sắt và bánh xe, phần nhựa tại vị trí nắp sắt có dấu hiệu bị cháy; Thu trong túi quần bên trái phía trước của Đỗ Văn T1 01 viên nén hình tam giác màu xanh, trên bề mặt viên nén có dập hình thù giống bàn tay, được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG03; Nguyễn Thị Thu H giao nộp: 01 chiếc đĩa màu trắng bằng sứ hình bầu dục, có hoa văn màu tím, kích thước (22,7x15,2)cm; Thu của Đỗ Văn T1: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius màu sơn trắng – đen, số khung BY652238, số máy 5C64 – 652242, BKS 90B1 – 136.74; 01 giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021462 cấp ngày 20/12/2011 cho xe mô tô BKS 90B1 – 136.74, mang tên Trần Ngọc H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A5s, vỏ màu đen, số IMEI: 865222043338890, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0966.577.865; Thu của Vũ Văn T3: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, số khung 3112EY086558, số máy JA31E – 0165338, BKS 90B1 – 996.84; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 011821 cấp ngày 14/05/2015 cho xe mô tô BKS 90B1 – 996.84, mang tên Vũ Văn T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Splus, vỏ màu hồng, số IMEI: 353299075077975, bên trong lắp 01 sim, số thuê bao 0965.548.648; Thu của Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, vỏ màu hồng, bên trong lắp 01 sim, số thuê bao 037.651.6862; Thu của Đào Thành Đ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ - đen – bạc, BKS 90B2 – 961.23; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 147592 cấp ngày 21/05/2019 cho xe mô tô BKS 90B2 – 961.23, mang tên Nguyễn Thị D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Splus, vỏ màu vàng, số IMEI: 354377065474466, bên trong lắp 01 sim số thuê bao 0921.726.541; Thu của Nguyễn Thị C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu hồng, không lắp sim, bị hỏng nên không kiểm tra được số IMEI.

Kết quả xét nghiệm xác định chất ma túy thể hiện: Đỗ Văn T1, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn H, Bàn Thị T4, Chèo Mỹ D và Chèo Chiều M đều dương tính với MET và MDMA.

Tại bản kết luận giám định số 212/PC09-MT ngày 23/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 VNĐ được cuộn thành hình trụ tròn trong phong bì ký hiệu TG01 gửi giám định có bám dính ma túy, loại Ketamine; 03 cốc nhựa trong hộp ký hiệu TG02 gửi giám định có bám dính ma túy, loại MDMA; mẫu viên nén màu xanh trong phong bì ký hiệu TG03 gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,409g, loại MDMA.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam đã xét xử đối với Đỗ Văn T1, Phạm Văn T2, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn H cùng về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; Vi Thị Mỹ D1 và Chèo Mỹ D cùng về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; Đào Thành Đ và Nguyễn Thị C cùng về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Phạm Văn Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và xử lý các vật chứng có liên quan.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 18/8/2022, Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam quyết định: Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 256;

Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2022.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 26/8/2022, bị cáo Nguyễn Thị Thu H kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Thu H vẫn luôn quanh co chối tội, không khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, song căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập khách quan, hợp pháp, thấy cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Do vậy, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án và cho rằng bị cáo không phạm tội là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng không biết các đối tượng thuê phòng để sử dụng ma túy, bị cáo có vào dọn đồ trong phòng Vip2 và dẫn các đối tượng đi trốn khi cơ quan chức năng đến kiểm tra chỉ là để tránh vi phạm lệnh giãn cách Covid 19 nên bị cáo không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Người bào chữa cho bị cáo là ông Nguyễn Văn Chuyên cho rằng: Lời khai của các đối tượng Nguyễn Văn H, Vũ Văn T3 và Chèo Mỹ D chưa khách quan; Cơ quan điều tra chưa tiến hành đối chất giữa bị cáo H và các đối tượng H1, T3, D; không có tài liệu chứng minh bị cáo cho các đối tượng sử dụng ma túy. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo là ông Nguyễn Tuấn A cho rằng: Các tình tiết của vụ án chưa đủ căn cứ kết tội bị cáo mà chỉ cần xử phạt hành chính đối với bị cáo, vì bị cáo không có hành vi chuẩn bị đồ, không có hành vi cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên đề nghị HĐXX xem xét tuyên bị cáo Nguyễn Thị Thu H không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo hợp lệ, đảm bảo đúng quy định tại Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự, được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H:

[2.1] Về tội danh: Lời khai của các đối tượng Đỗ Văn T1, Phạm Văn T2, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn H đều xác định khoảng 21 giờ ngày 17/9/2021 các đối tượng có đến hát tại phòng Vip2 quán Karaoke Đồng Quê do H làm chủ và trực tiếp quản lý. Khi T2 mua được ma túy mang vào quán hát thì H biết được và không đồng ý cho sử dụng ma túy trong phòng hát, các đối tượng tiếp tục hát đến 0 giờ 20 phút 18/9/2021 thì nghỉ. Lúc đó H vào kiểm đồ trong phòng để T1 toán thì T3 nói với H *“Chỗ chị em mình quen biết nhau, em cũng hát ở đây mấy lần, chị cho chúng em ở lại chơi thêm 1 - 2 tiếng, 1 - 2 viên kẹo chứ không chơi lâu”*, H nói *“Giờ đang căng nếu chơi thì 300.000 đồng/01 tiếng phòng bay”*, T3 nói *“Chỗ chị em, chị xem bớt cho bọn em, chị lấy 250.000 đồng thôi”*, H nói *“Thế thì 250.000 đồng/01 tiếng tiền phòng và 250.000 đồng/01 tiếng/1 nhân viên”*. Toàn bộ nội dung trao đổi này giữa T3 và H được H1 có mặt nghe thấy và khẳng định đúng tại các bút lục ghi lời khai 154, 167, 169 và 173. Khi nhóm hát của T1 ra về đến khu công nghiệp Cầu Giáp, T3 đã nói chuyện với T2, T1 và H1 về việc H đồng ý cho sử dụng ma túy trong phòng hát với giá tiền 250.000 đồng/01 tiếng tiền phòng và 250.000 đồng/01 tiếng/1 nhân viên, tất cả mọi người trong nhóm đồng ý và quay lại quán hát của H, T3 nói *“Chị mở cửa cho bọn em vào chơi một lúc”*, H nói *“Sao lúc này cho chơi rồi còn đi về”* thì T2 nói *“Lúc này em tưởng chị không cho chơi”*. T1 ra nói chuyện với H và nhờ H gọi cho 04 nhân viên nữ. H mở cửa quán cho nhóm T1 vào. Như vậy H biết rõ nhóm T1, T3, T2, H1 muốn thuê phòng hát để sử dụng ma túy và H đồng ý.

Điều đó còn được chứng minh bằng lời khai của Chèo Mỹ D, D khai cầm xô đi lấy đá, H lấy cho nửa xô, D hỏi *“Sao chị lấy ít đá thế”*, H nói *“Phòng này không uống bia, khách chỉ chơi đồ thôi nên không cần nhiều đá”*, D hiểu khách tại phòng Vip 2 chỉ sử dụng ma túy và việc D đi đòi đĩa để dùng xào ke, H có biết. Khi Công an đến kiểm tra thì H đã chạy vào phòng tắt nhạc và nói *“Công an đến, ra cửa sau chạy trốn đi”* đồng thời dẫn mọi người chạy trốn và quay lại phòng hát mang đĩa đi rửa. Tất cả hành vi, diễn biến sự việc được camera ghi lại và được trích lưu dữ liệu trong hồ sơ tại BL 63, 64, 65, 66. Sau sự việc xảy ra H mang chiếc đĩa lên giao nộp cho Cơ quan điều tra. Căn cứ vào lời khai của những người làm chứng, hình ảnh camera trích xuất có đủ cơ sở kết luận: Vì

hám lòi vào khoảng 01 giờ ngày 18/9/2021 Nguyễn Thị Thu H là chủ quán karaoke Đồng Quê ở thôn Q, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam đã cho các đối tượng Đỗ Văn T1, Phạm Văn T2, Vũ Văn T3 và Nguyễn Văn H thuê phòng để sử dụng chất ma túy tại phòng Vip 2 và trả cho H tiền phòng là 250.000đồng/ 01 tiếng và tiền nhân viên phục vụ là 250.000đồng/ 01 tiếng. Trong số các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy có Bàn Thị T4, Chèo Chiều M đều sinh năm 2006, đều dưới 16 tuổi. Khi các đối tượng đang sử dụng ma túy thì bị Công an thị xã D phát hiện bắt giữ.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho rằng bị cáo thấy Công an đến kiểm tra lo sợ vi phạm quy định về giãn cách phòng chống Covid 19 nên đã chạy vào phòng Vip2 nơi có các đối tượng đang sử dụng ma túy để tắt nhạc, bảo các đối tượng chạy trốn và bị cáo dọn phòng có mang đĩa ra rửa rồi sau đó mang đĩa lên nộp tại cơ quan Công an, bị cáo cho rằng bị cáo không cho các đối tượng sử dụng ma túy nên không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là không có căn cứ, ngay từ đầu bị cáo biết các đối tượng sử dụng ma túy nhưng bị cáo không cho sử dụng, sau đó các bị cáo quay lại xin thuê phòng sử dụng ma túy thì bị cáo đã đồng ý. Lời khai của các đối tượng Vũ Văn T3, Nguyễn Văn H, Chèo Mỹ D, Đỗ Văn T1 và Phạm Văn T2 không có mâu thuẫn với nhau và bản thân các đối tượng cũng không có mâu thuẫn gì với bị cáo H nên lời khai của những người này là khách quan, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai theo đúng trình tự tố tụng. Do đó quan điểm của các Luật sư cho rằng hành vi của bị cáo chỉ cần xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Nguyễn Thị Thu H không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

Từ đó HĐXX phúc thẩm nhận thấy, với hành vi nêu trên của Nguyễn Thị Thu H, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã D xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 18/8/2022 đã quyết định tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Do đó, nội dung kháng cáo không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo Nguyễn Thị Thu H là không có căn cứ pháp luật, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an địa phương đặc biệt đang trong thời điểm có dịch bệnh Covid 19 bị cáo vẫn ngang nhiên cho các đối tượng tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy ngay tại quán hát Karaoke Đồng Quê do mình trực tiếp quản lý, đó cũng là một trong những nguyên nhân làm lây lan dịch

bệnh và làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, nhân thân bị cáo và các tình tiết khác, quyết định xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó cấp phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo.

Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H là không có căn cứ pháp luật, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 256; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố Nguyễn Thị Thu H phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2022.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã D;
- VKSND thị xã D;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Công an thị xã D;
- Đội thi hành án Hình sự CA thị xã D;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã D;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

Phạm Hùng Long